|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG  **LỚP 5 TUỔI B3** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Mạo Khê, ngày 28 tháng 8 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH**

**NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC LỚP 5 TUỔI B3**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

Số lượng trẻ trong nhóm/lớp: 35 trẻ

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02 GV. Nguyễn Thị Trang - Nguyễn Thị Thu Hoàn.

- Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/08/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về QĐ ban hành KH khung thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Căn cứ KH số: 544/KH-MNHP ngày 26 tháng 08 năm 2024 của trường mầm non Hoa Phượng về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025.

- Căn cứ khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ tại lớp 5 tuổi B3.

- Căn cứ điều kiện CSVC, năng lực của giáo viên.

Lớp mẫu giáo 5 tuổi B3 xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC** |
| **I. CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG** | |
| ***1. Tổ chức ăn*** | |
| **MT 1:** Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. Uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh | - Chế độ ăn: Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.  *+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:*Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.  + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:* Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% -20% năng lượng khẩu phần; Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% -35% năng lượng khẩu phần; Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng  lượng khẩu phần.  - Nước uống: Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).  - Ăn đúng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. |
| ***2. Tổ chức ngủ*** | |
| **MT 2:** Trẻ được ngủ một giấc buổi trưa đúng giấc, đủ giờ và an toàn. | - Ngủ trưa đúng giấc, đủ giờ (150 phút).  - Phòng ngủ vệ sinh sạch sẽ đảm bảo các điều kiện phù hợp với thời tiết và an toàn trong khi ngủ cho trẻ. |
| ***3. Vệ sinh*** | |
| **MT 3:** Trẻ được đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường ở lớp học | **- Vệ sinh cá nhân đúng cách:**  + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động trong ngày.  + Rửa mặt.  + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  **- Vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học:**  + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng.  + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. |
| ***4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn*** | |
| **MT 4:** Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.  + Cân nặng:  . Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg  . Trẻ gái: 15,3- 27,8 kg  + Chiều cao:  . Trẻ trai:106-125,8 cm  . Trẻ gái: 104,9-125,4 cm | - Khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ 2 lần/năm (tháng 09 và 03).  - Cân đo cho trẻ theo qui định: 3 tháng/ lần.  - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khoẻ trẻ trên biểu đồ tăng trưởng, theo dõi trẻ thừa cân, béo phì, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi.  - Có giải pháp kịp thời phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, béo phì. |
| **MT 5:** Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp/trường. Tiêm chủng theo quy định. | - Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu, sốt xuất huyết, covit19…).  - Tiêm chủng: uống các loại Vitamin, tiêm chủng theo chương trình của Bộ Y tế. |
| **MT 6:** Trẻ được đảm bảo  phòng tránh một số tai nạn  thương tích | - Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.  - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp như: T**ai nạn do sặc nước, hóc nghẹn - dị ứng thức ăn, do chấn thương, do ngạt trong khi ngủ, do điện giật, cháy nổ…**  - Tạo thói quen an toàn cá nhân. Thực hiện tốt các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác trong mọi hoạt động. |
| **II. GIÁO DỤC** | |
| **1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | |
| ***a. Phát triển vận động*** | |
| **Thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | |
| **MT 7:** Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập TD theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. | **- Các động tác phát triển hô hấp:**  + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ.  + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật.  **- Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:**  **+** Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân)  + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.  **- Các động tác phát triển cơ bụng, lưng:**  + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.  + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.  + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.  + Đứng, cúi về trước.  **- Các động tác phát triển cơ chân:**  + Khụy gối  + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  + Nhảy lên, đưa hai chân sang ngang  + Nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.  + Bật về các phía.  - Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và có trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần. |
| ***Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động*** | |
| **MT 8:** Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động bật. | - Bật liên tục vào vòng; Bật tách khép chân qua 7 ô; Bật  qua vật cản cao 15- 20 cm.  - Tôn trọng ý kiến của trẻ về đề xuất các trò chơi, sắp xếp không gian vận động... cách tính kết quả trò chơi vận động, trò chơi dân gian. |
| **MT 9:** Trẻ biết bật xa tối thiểu 50 cm. (CS 1) | - Bật xa 50 cm. |
| **MT 10**: Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40 cm.  (CS 2) | - Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 - 45cm. |
| **MT 11:** Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. (CS 3) | - Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4m)  - Mọi trẻ (trai, gái ) được tạo cơ hội như nhau trong tập luyện, tham gia vào các hoạt động thể chất, vận động. |
| **MT 12**: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động ném. | - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.  - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. |
| **MT 13**: Trẻ thực hiện được động tác: Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (CS 4) | - Trèo lên xuống 7 gióng thang;  - Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.  - Môi trường vận động an toàn. |
| **MT 14:** Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong thực bài tập trườn, trèo. | - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. |
| **MT 15**: Trẻ có thể nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (CS 9) | - Nhảy lò cò 5m.  - Nhảy lò cò 5 - 7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. |
| **MT 16:** Trẻ biết giữ thẳng bằng cơ thể khi đứng co một chân và giữ thẳng người trong 10 giây | - Đứng co một chân  - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. |
| **MT 17**: Trẻ biết đập và bắt bóng bằng 2 tay. (CS 10) | - Đập và bắt bóng bằng 2 tay.  - Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay. |
| **MT 18:** Trẻ biết đi thăng  bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)  (CS 11) | - Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) và đầu đội túi cát.  - Đi trên dây (dây đặt trên sàn). |
| **MT 19:** Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3 m) | - Đi trên ván dốc.  - Đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3 m) |
| **MT 20:** Trẻ giữ thăng bằng cơ thể, có khả năng kiểm soát vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh. | - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối.  - Đi nối bàn chân tiến, lùi.  - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. |
| **MT 21:** Trẻ có thể chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây (hoặc 10s) (CS 12) | - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10s. |
| **MT 22:** Trẻ có thể chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. (CS 13) | - Chạy chậm khoảng 150m. |
| **MT 23:** Trẻ có thể tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. (CS 14) | - Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút. |
| **MT 24:** Trẻ biết phối hợp tay mắt, thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện vận động bò. | - Bò qua 5, 6 điểm dích dắc cách nhau 1,5m đúng yêu cầu.  - Bò theo đường dích dắc qua 7 điểm.  - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.  - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m - 5m. |
| **MT 25:** Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động tung, chuyền. | - Tung bóng lên cao và bắt.  - Tung, đập bắt bóng tại chỗ.  - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. |
| **MT 26:** Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. *Hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực và hoàn thiện kĩ năng VĐCB, tố chất VĐ qua một số hoạt động: Tập một số bài tập Yoga phù hợp với độ tuổi, một số điệu nhảy dân vũ, thể dục nhịp điệu. Biết một số kĩ thuật bóng chuyền, bóng đá…*  *- Thực hiện thành thạo các vận động liên hoàn, các trò chơi vận động.* | - Thực hiện hai vận động cơ bản liên tục, theo khả năng, theo yêu cầu:  + Tung bóng lên cao và bắt; Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10s.  + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm; Ném xa bằng 2 tay.  + Bò theo đường dích dắc qua 7 điểm; Ném trúng đích thẳng đứng”.  + Bật tách, khép chân qua 7 ô; Ném xa bằng 1 tay.  + Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m); Ném trúng đích nằm ngang  *- Tập các bài tập: Yoga, thể dục nhịp điệu, dân vũ, bóng đá, bóng chuyền...* |
| **Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt** | |
| **MT 27**: Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS5) | - Cài, cởi cúc, khéo khoá (phéch mơ tuya), xâu, luồn, buộc giây.  **-** Mặc các loại áo chui đầu, đóng cúc áo sao cho hai vạt áo bằng nhau. |
| **MT 28:** Trẻ biết tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ. (CS 6) | - Tô màu không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ.  - Tô, đồ theo nét.  *- Tô màu được một số nét, chữ cái tiếng Anh* |
| **MT 29:** Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. (CS 7) | - Xé, cắt rời được hình không bị rách.  - Đường cắt luôn sát theo đường viền của hình vẽ.  - Cầm kéo bằng 3 ngón tay, Trẻ biết cắt theo đường viền của hình vẽ. |
| **MT 30:** Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. (CS 8) | - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu  - Phết hồ đều, dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.  - Sản phẩm không bị rách. |
| **MT 31**: Trẻ phối hợp được bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động. | - Vẽ hình sao chép các chữ cái, chữ số.  - Bẻ, nắn.  - Lắp ráp.  - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya.  *- Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu và theo ý thích*  *- Xúc hạt, kẹp gắp, đóng mở đai da.* |
| **b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | |
| ***Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe*.** | |
| **MT 32:** Lựa chọn được một  số thực phẩm khi được gọi tên  nhóm:  - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...  - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... | Trẻ nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.  - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống.  - Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.  - Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,…), biết các thức ăn không có lợi cho sức khỏe.  - Thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động |
| **MT 33:** Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày, (CS19) (*món ăn của gia đình và địa phương)* | - Nói được tên một số món ăn hằng ngày trẻ thường ăn và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo…  - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…).  *- Trình bày, giới thiệu các món ăn của gia đình, địa phương.* |
| **Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | |
| **MT 34:** Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (CS 15) | - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh tay, chân và sau khi ăn.  - Tự rửa tay sạch bằng xà phòng (Rửa tay theo đúng quy trình; Rửa sạch tay không có mùi xà phòng; Không vẩy nước ra ngoài.) |
| **MT 35:** Trẻ biết tự rửa mặt, trải răng hàng ngày. (CS 16) | - Lợi ích, thời điểm, quy trình, các kỹ năng vệ sinh cá nhân.  - Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt.  - Hình thành thói quen, hành vi vệ sinh trong ăn uống và phòng chống bệnh tật: vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy) |
| **MT 36:** Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (CS 18) | - Tự chải đầu, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ, không bôi bẩn vào quần áo.  - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. |
| **MT 37:** Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/giật nước cho sạch. | - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách, biết đi xong trẻ tự giội/giật nước cho sạch. |
| **MT 38:** Trẻ có thể sử dụng đồ  dùng phục vụ ăn uống thành  thạo. | - Sử dụng thành thạo các đồ dùng ăn uống như: biết cầm muỗng để xúc ăn, cầm đũa để gắp thức ăn, chan canh vào bát, biết lấy cốc rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài. |
| ***Giữ gìn sức khỏe và an toàn*** | |
| **MT 39**: Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (CS 17) | - Một số hành động văn minh, lịch sự.  - Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. |
| **MT 40:** Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe. (CS 20) | - Không ăn uống những thức ăn có hại cho sức khỏe như: Các thức ăn có mùi ôi/chua/màu lạ; rau quả khi chưa được sơ chế sạch; các loại lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê. |
| **MT 41**: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. (CS 21) | - Phòng tránh những đồ vật nguy hiểm đến tính mạng như bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng,.. là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; Không nghịch những vật sắc nhọn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: dao, kéo, những mảnh cốc thủy tinh, mảnh gương bị vỡ, và một số đồ vật gây nguy hiểm khác. |
| **MT 42**: Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. (CS 22) | - Không làm một số việc có thể gây nguy hiểm đối với bản thân như: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc; tự ý uống thuốc; đánh nhau; tắm sông, hồ, ao; tự ý cắm ổ điện; sờ vào đường dây điện; chơi gần khu vực bếp ga; nghịch dao, kéo…  - Không tự ý xâm phạm đến cơ thể của người khác |
| **MT 43**: Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (CS 23) | - Nói được mối nguy hiểm khi đến gần, tránh xa những nơi nguy hiểm, không an toàn như hồ, ao, sông, suối, bể chứa nước, giếng, bụi rậm, cột điện cao áp, khu vực bếp ga,… Phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải, chơi ở nơi sạch và an toàn. |
| **MT 44**: Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép (CS 24) | - Tránh một số trường hợp không an toàn:  + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt,  rủ đi chơi.  + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.  - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. |
| **MT 45**: Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.  (CS 25) | - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu...  - Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. |
| **MT 46**: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. (CS 26) | - Biết hút thuốc lá có hại cho sức khoẻ và không lại gần những người đang hút thuốc lá.  -Bày tỏ thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá. |
| **MT 47:** Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh *một số dịch bệnh thường gặp****.*** | - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.  - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.  - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.  - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.  - Trẻ thực hiện tốt thói quen an toàn cá nhân  - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (*Covid- 19,* *Cúm A, B, đau mắt đỏ, sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng,...*), nguyên nhân và cách phòng tránh. |
| **MT 48**: Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. | - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.  - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....  - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.  - Chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh |
| **MT 49:** Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn. | - Trẻ thực hiện một số quy định về an toàn:  + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.  + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.  + Không leo trèo cây, ban công, tường rào... |
| **2. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | |
| 1. **Khám phá khoa học** | |
| **MT 50**: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. | - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể  - Đặc điểm khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái. Ứng xử công bằng.  - Khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm  - Ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được được phép? |
| **MT 50.1**: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về một số bộ phận cơ thể con người. |
| **MT 50.2:** Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về đặc điểm của của một số phương tiện giao thông. | - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.  - Hiểu được các chức năng của các phương tiện và luật lệ giao thông.  - Nơi hoạt động của các phương tiện giao thông.  - So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo nơi hoạt động.  - Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **MT 50.3:** Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng; về đặc điểm, tính chất của nước, ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây; về đặc điểm của không khí, ánh sáng và sự cần thiết của chúng; về đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. | - Sự khác nhau giữa ban ngày và ban đêm; biết mặt trời xuất hiện vào ban ngày, mặt trăng xuất hiện vào ban đêm.  - Các nguồn nước trong môi trường sống. Một số đặc điểm, tính chất của nước. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.  - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của  nó với cuộc sống con người, con vật và cây. Một vài  đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.  - Ích lợi và bảo vệ các nguồn tài nguyên quí như: Đất, cát, đá, sỏi.  - Giữ vệ sinh trong và sau khi được tiếp xúc với đất, đá, sỏi, cát  - Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **MT 51**: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. (CS 92***)*** | - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật  - Phân loại con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.  - Đặt tên cho nhóm những con vật bằng những từ khái quát.  - Gọi tên các con vật gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 con vật.  - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật  - Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **MT 51.1:** Gọi tên nhóm con vật theo đặc điểm chung |
| **MT 51.2:** Gọi tên nhóm cây cối theo đặc điểm chung | - So sánh sự khác và giống nhau của một số cây, hoa, quả, rau.  - Phân loại cây, hoa quả theo 2 - 3 dấu hiệu.  - Đặt tên cho nhóm những cây/ hoa quả bằng những từ khái quát.  - Gọi tên các con cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 cây/hoa quả.  - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, rau.  - Làm thí nghiệm gieo hạt, trồng cây góc thiên nhiên  - Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **MT 52**: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (CS 93) | - Quá trình phát triển của con vật, điều kiện sống của của chúng.  + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của con vật thể hiện trên tranh ảnh ( hình ảnh).  + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.  + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật.  - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật và môi trường sống gắn với các hiện tượng tự nhiên.  - Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **MT 52.1**: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của con vật). *Biết sử dụng phần mềm Kidsmart sắp xếp, quan sát, dự đoán quá trình phát triển của con vật (Ngôi nhà khoa học của SAMMY chuyển sang hoạt động)* |
| **MT 52.2**: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối); *Biết sử dụng phần mềm Kidsmart sắp xếp, quan sát, dự đoán quá trình phát triển của cây cối và một số hiện tượng tự nhiên (Ngôi nhà khoa học của SAMMY)* | - Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của của một số loại cây.  + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ hoa quả thể hiện trên tranh, ảnh + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.  + Cách chăm sóc và bảo vệ cây.  - Áp dụng hương pháp giảng dạy Steam : Cho trẻ thử nghiệm gieo hạt; Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ.  - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối và môi trường sống gắn với các hiện tượng tự nhiên. |
| **MT 53:** Trẻ biết khám phá và nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống (CS94) *thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm kidsmart****.*** | - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa  - Thứ tự các mùa trong năm  - Đặc điểm đặc trưng của các mùa  - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa.  - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.  - Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp.  *- Khám phá ngôi nhà khoa học của Sammy: Căn phòng ao thiên nhiên bốn mùa*  *- Chơi trong ngô nhà khoa học của Sammmy: Máy tạo thời tiết* |
| **MT 54:** Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra (CS95) *thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm kidsmart****.*** | - Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán…)  - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa  *- Khám phá ngôi nhà khoa học của Sammy: Căn phòng ao thiên nhiên bốn mùa* |
| **MT 55:** Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng (CS96)*Biết sử dụng phần mềm Kidsmart phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy* | - Một số mối liên hệ đơn giản giữa cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng  - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.  *- Sử dụng thành thạo một số kỹ năng đơn giản trên máy tính để khám phá, phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy.* |
| **MT 56:** Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS 112) | - Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa”…  - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin.  - Mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “ Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.  - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau  - Áp dụng phương pháp Steam để trẻ tìm ra nguyên lý hoạt động của các bộ đồ chơi Robot thông minh Cubelets |
| **MT 57:** Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc  sống hàng ngày. (CS 114) | - Phát hiện ra hiện tượng và nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó.  - Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại  vì......nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc.  - Làm thí nghiệm, thử nghiệm và sử dụng dụng cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận về sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh như: vật chìm nổi, sự luân chuyển của nước, không khí... sự bốc hơi của nước… |
| **MT 58:** Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại**.** (CS115) | - Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm.  - Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu khác nhau.  - Giải thích được lí do loại bỏ đối tượng khác biệt đó. |
| **MT 59:** Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. | - Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật, phương tiện giao thông...  - Biểu diễn các bài hát về cây, con vật,…  - Vẽ, xé, nặn, cắt dán… các con vật, cây cối, phương tiện giao thông…  + Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.  - Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** | |
| ***Nhận biết số đếm, số lượng*** | |
| **MT 60:** Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. (CS 104). *Biết chơi với phần mềm Kidsmat, bảng tương tác thông minh đếm, thêm bớt, so sánh các nhóm đối tượng.* | - Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng.  - Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. *Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1 – 10.*  *- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.*  - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, 113,114,115..)  *-* So sánh số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.  *- Nhận biết con số trong các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - Ngôi nhà toán học (Con bọ, Máy số, Con số của tôi)* |
| **MT 61:** Trẻ biết gộp cácnhóm đối tượng trong phạm  vi 10 và *đếm theo khả năng.* | - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm *theo khả năng* |
| **MT 62:** Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau. (CS 105) | - Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. |
| ***Sắp xếp theo quy tắc*** | |
| **MT 63:** Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu và đếm | - Phát hiện và hoàn thiện quy tắc sắp xếp: Quan sát cách sắp xếp, kết luận quy tắc sắp xếp; sử dụng đồ chơi, đồ dùng để tạo quy tắc như mẫu; trang trí chuồng cho các con vật theo qui luật như mẫu; vẽ nốt theo quy tắc đã cho; sắp xếp tiếp theo qui luật có trong bảng; chụp ảnh, xem trên máy tính, giải thích quy luật; phát hiện khả năng đúng - sai, hoàn thiện các lỗi sai trong quy tắc sắp xếp. |
| **MT 64:**Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc (CS116) | - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc  - Sắp xếp theo qui tắc 3 đối tượng  - Sử dụng đồ chơi xếp theo quy luật trong ảnh trẻ đã chụp được từ lần trước; ký hiệu hóa quy tắc, yêu cầu trẻ sắp xếp bằng: đồ chơi, thẻ hình, con số, chữ cái, vật thật, âm thanh (vỗ tay/đùi…), que tính, giấy lót bánh, đất nặn…theo quy tắc ký hiệu hóa đưa ra. |
| **MT 65:** Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. | - Sáng tạo ra quy tắc sắp xếp: Trang trí con rắn, sáng tạo qui tắc trên hình có sẵn, trang trí vương miện từ các hình có sẵn, làm chuông gió: xâu hạt, sắp xếp đồ chơi theo qui tắc tự chọn và nêu ký hiệu hóa quy tắc đó.  - Phát hiện quy tắc sắp xếp đơn giản ở xung quanh (quần áo, ô gạch lát nền, bức tranh…) |
| ***Đo lường*** | |
| **MT 66:** Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS 106) | - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.  - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.  + Chọn được dụng cụ làm thước đo.  + Đặt thước đo liên tiếp.  + Nói đúng kết quả đo. |
| **MT 67:** Trẻ biết sử dụng một  số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả đo. | - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.  + Chọn dụng cụ để đo, đong.  + Múc đầy dụng cụ đo.  + Đổ vào đối tượng cần đo. Nói đúng kết quả đo. |
| ***Nhận biết hình dạng*** | |
| **MT 68:** Trẻ có thể gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật (CS107). *Ứng dụng phần mềm Kidsmart để nhận biết phân biệt các khối* | - Nhận biết, gọi tên khối vuông, khối chữ nhật, khối cầu, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.  - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.  - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.  *- Xác định và chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo mẫu thiết kế tại ngôi nhà Chuột trong ngôi nhà toán hoạc của Mille.* |
| ***Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian*** | |
| **MT 69:** Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (CS108)*biết chơi với phần mềm Kidsmat xác định các phương hướng trong không gian (qua ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY.)* | - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái.) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.  - Sắp xếp vị trí của vật theo yêu cầu.  *- Xác định các phương hướng chính: trái, phải, trước, phía nam, bắc, đông, tây.*  *- Khám phá mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới.* |
| **MT 70:** Trẻ gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự (CS109) | - Nói được tên các thứ trong tuần theo thứ tự và sắp xếp các thứ theo yêu cầu của cô. |
| **MT 71:** Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110) | - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch....  **-** Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai. |
| **MT 72:** Trẻ nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ (CS111) *biết chơi với phần mềm Kidsmat xác định thời gian trong tuần (qua ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY)* | - Xem lịch nhận biết được các ngày trên lốc lịch và đọc được giờ trên đồng hồ.  - Nói được lịch, đồng hồ dùng để làm gì?  *- Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát.*  *- Học về đơn vị thời gian khi di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây.* |
| **c. Khám phá xã hội** | |
| ***Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng*** | |
| **MT 73:** Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện. *Biết được các quyền, nghĩa vụ/bổn phận của bản thân và người khác.* | - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.  - Thực hiện quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân, với người khác). |
| **MT 74:** Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; Sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình.  - Tất cả mọi người đều quan trọng có quyền đối xử một cách tôn trọng, đều được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ. |
| **MT 75**: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại (nếu có)… Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm), số điện thoại của bố (mẹ).  - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. |
| **MT 76:** Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường, tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.  - Họ tên, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của các bạn trong lớp, cơ thể mỗi người cần được tôn trọng; các hoạt động của trẻ ở trường. |
| **MT 77:** Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống**.** (CS 97). | - Kể tên, địa chỉ, một số đặc điểm nổi bật của những địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống: trường học/nơi mua sắm, khám bệnh, công viên…khi được hỏi, trò chuyện. |
| **MT 78:** Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh. (CS 113) | - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, hoạt động mới).  - Nhận ra và hay hỏi về những thay đổi, những cái mới ở xung quanh.  - Thích thử công dụng của sự vật.  - Tháo, lắp lại cấu tạo của sự vật.  - Hay đặt câu hỏi "Tại sao?", “Cái gì đây?”, “Để làm gì?”... |
| ***Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương*** | |
| **MT 79:** Trẻ kể được 1 số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (CS98) | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động, ý nghĩa của nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương |
| **MT 80:** Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ... *Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của nghề truyền thống của quê hương Đông Triều. (Nghề gốm sứ Quang Vinh tại khu Vĩnh Hồng - phường Mạo Khê - thị xã Đông Triều)* | - Tên gọi, nguyên liệu, một số thao tác đơn giản tạo ra sản phẩm, những sản phẩm... của nghề gốm.  *Tên gọi, công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của nghề truyền thống của quê hương Đông Triều. (Nghề gốm sứ Quang Vinh tại khu Vĩnh Hồng - phường Mạo Khê - thị xã Đông Triều).* |
| ***Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh*** | |
| **MT 81**: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội của phường *Mạo Khê*. | - Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội do Trường *Mầm non Hoa Phượng* tổ chức: Khai giảng, Tết trung thu, ngày Nhà giáo VN 20/11....  - Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương, quê hương *Mạo Khê* *(Phường Mạo Khê - thị xã Đông Triều: Lễ hội Chùa Non Đông, Chùa Tường Vân Tự,…* ngày *Vùng mỏ bất khuất 12/11),* đất nước |
| **MT 82:** Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương *Đông Triều*, của đất nước. | - Bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ, kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Đông Triều *(Chùa Ngọa Vân, Quảng Ninh Gate…của Đông Triều. Vinh Hạ Long của tỉnh Quảng Ninh…), đất nước (Hồ Gươm, Lăng Bác…).* |
| **3. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | |
| ***a Trẻ có khả năng nghe và hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.*** | |
| ***Nghe hiểu lời nói*** | |
| **MT 83:** Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (CS61)  *Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh - Việt tìm hiểu một số từ đơn giản chỉ sắc thái biểu cảm của lời nói* | - Lắng nghe và nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân.  - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.  *- Nghe và nhận biết được một số từ chỉ trạng thái cảm xúc đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh;*  *- Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động đơn giản phù hợp với trạng thái cảm xúc khi hát theo bài hát Tiếng Anh về cảm xúc* |
| **MT 84:** Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 -3 hành động. (CS62) | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức; Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. Hiểu và thực hiện được những lời nói, chỉ dẫn của giáo viên gồm 2 -3 hành động.  - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe…)  - Chú ý hiểu thông điệp, không ngắt lời người nói.  - Tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp. |
| **MT 85:** Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi (CS63) *Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh – Việt tìm hiểu một số từ đơn giản chỉ đồ vật, hiện tượng gần gũi* | - Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình...  - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác.  - *Hiểu một số từ tiếng Anh đơn giản gần gũi chỉ sự vật, hiện tượng, con vật…* |
| **MT 86:** Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi. (CS64) | - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.  - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đối, hò, vè phù hợp với độ tuổi.  - Thấy được sự đa dạng và khác biết ở hình dáng bên ngoài ( cao, thấp, da đen, da trắng, tóc đen, tóc vàng, người lành lặn, người khuyết tật) |
| **MT 87:** Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (CS74) | - Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp.  - Lắng nghe chăm chú, tích cực hợp tác và phản hồi khi nghe  - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.  - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói.  - Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. |
| ***Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày*** | |
| **MT 88:** Trẻ biết nói rõ ràng.(CS65) | - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu  - Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.  - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì? |
| **MT 89:** Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày(CS66) *Biết sử dụng một số từ song ngữ Anh - việt đơn giản trong giao tiếp hàng ngày* | - Sử dụng các từ loại: danh từ, tính từ, động từ, trạng từ....chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm, hình tượng trong sinh hoạt hằng ngày.  - Giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn  *- Biết chào hỏi, cảm ơn, tạm biệt, tên gọi một số loại quả, con vật gần gũi bằng tiếng anh trong giao tiếp hàng ngày.* |
| **MT 90:** Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp**.** (CS67) | - Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh phù hợp với tình huống.  - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? |
| **MT 91:** Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS68) | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.  - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân  - Sử dụng cách nói có/không hoặc thể hiện thái độ qua phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, thái độ, hành vi...) một cách rõ ràng nhằm bảo vệ quyền riêng tư.  - Được tôn trọng, lắng nghe ngữ điệu riêng, phát âm đặc trưng của trẻ. |
| **MT 92:** Trẻ biết sử dụng lời  nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (CS69)*Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh - Việt để trao đổi* *tương tác với các bạn.* | - Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết  trong cuộc sống và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động.  - Tranh biện về quyền của chính bản thân trẻ trong việc chơi đùa và tương tác lẫn nhau.  *- Đọc theo được thành tiếng một số từ tiếng anh thông dụng khi xem tranh minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu trong phạm vi từ vựng được làm quen* |
| **MT 93:** Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được. (CS70) | - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định, một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật  - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh...  - Khi người nghe chưa rõ trẻ có thể kể chậm lại, nhắc lại, giải thích lại. |
| **MT 94:** Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định (CS71) *thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm kidsmart****.*** | - Tự kể được nội dung câu chuyện (trẻ đã được nghe kể), kể lại sự việc một cách rõ ràng theo trình tự nhất định.  *- Tập kể lại truyện theo các trò chơi trên phần mềm Kidsmart - Phần mềm Happykid* |
| **MT 95:** Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện (CS72) | - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người  - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác  - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau  **-** Sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập mối quan hệ và hợp tác với bạn bè.  - Mọi trẻ trai, gái đều có quyền bày tỏ ý kiến với mọi người xung quanh về mọi sự vật, sự việc. |
| **MT 96:** Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (CS73) | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp, nói lên ý kiến và tôn trọng ý kiến của người khác.  - Đọc biểu cảm bài thơ, bài ca dao |
| **MT 97**:Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS75) | - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.  - Không nói chen vào khi người khác đang nói.  - Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong. |
| **MT 98:** Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói (CS76) | - Có hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp, hỏi lại  hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói |
| **MT 99:** Trẻ biết sử dụng một số từ đơn giản trong giao tiếp như: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. **(**CS77) *Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh - Việt trong giao tiếp.* | - Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn (Tạm biệt, xin chào, Cảm ơn, xin lỗi…)  - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng  *- Nghe và nhận diện, nhận biết và phản hồi bằng cử chỉ, hành động với*  *một số từ Tiếng Anh xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn (Tạm biệt, xin chào, cảm ơn, xin lỗi…) quen thuộc với lứa tuổi.* |
| **MT 100:** Không nói tục, chửi bậy. (CS78) | - Không nói hoặc bắt chước lời nói tục, chửi bậy trong bất cứ tình huống nào. |
| **MT 101:** Trẻ biết kể chuyện theo tranh. (CS 85), *biết sử dụng máy tính với phần mềm Happy Kid tập kể chuyện* | - Kể truyện theo đồ vật, theo tranh:  + Nhìn tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh hoạ.  + Xếp được các bức tranh theo đúng trình tự và kể được nội dung chính của câu chuyện.  - Làm sách tranh, kể chuyện sáng tạo thể hiện mong muốn về một thế giới hòa bình, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau.  - *Sử dụng máy tính với phần mềm Happy Kid tập kể chuyện* |
| **MT 102:** Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau. (CS120) | - Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện… trong nội dung truyện.  - Đóng được vai của các nhân vật trong truyện và trẻ thích nhập vai nhân vật. |
| ***b. Làm quen với việc đọc, viết*** | |
| **MT 103:** Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (CS79) *Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh - Việt đọc chữ cái trong bảng chữ cái và môi trường xung quanh.* | **-** Thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh.  - *Đọc được chữ cái trong bảng chữ cái và môi trường xung quanh bằng tiếng anh* |
| **MT 104:** Trẻ thể hiện sự thích thú với sách (CS80) | - Xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, bắt  chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe.  - Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác. |
| **MT 105:** Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (CS81) | - Giữ gìn sách, bảo vệ sách |
| **MT 106:** Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. (CS82) | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ....)  **-** Nhận biết các nhãn hàng hóa. |
| **MT 107:** Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS83) | - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.  - Chỉ tên các phần của sách; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên tác giả…  - Giở, lật, đọc từng trang từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. |
| **MT 108:** Trẻ thích “Đọc” theo truyện tranh (CS84)  *Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh - Việt**khi xem tranh truyện.* | - "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giở tranh khi hết nội dung truyện  -  *Đọc theo được thành tiếng một số từ tiếng Anh thông dụng khi xem tranh minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu trong phạm vi từ vựng được làm quen.* |
| **MT 109:** Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (CS86) | **-** Nhận dạng các chữ cái  - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói.  - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau |
| **MT 110:** Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS87) | - Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác.  - Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân; |
| **MT 111:** Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (CS88) | - Tập tô, tập đồ các nét chữ.  - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái tên của mình.  - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày. |
| **MT 112:** Trẻ biết “Viết” tên  của bản thân theo cách của  mình. (CS89) | - Trẻ biết ghép các chữ cái thành tên mình.  - Nhận được tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ  dùng cá nhân và tranh vẽ.  - Sau khi vẽ tranh biết viết tên của mình phía dưới |
| **MT 113:** Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới (CS90) *thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm kidsmart.* | - Biết "viết" tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới;  **-** Hướng viết của các nét chữ  *- Tô chữ trong các trò chơi trong phần mềm Kidsmart trò chơi Happykid (tập tô chữ)* |
| **MT 114:** Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (CS91) | - Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày.  - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng.  - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó.  - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.  - Nhận biết một số nét tạo thành chữ cái.  - Trò chơi với các nét  *- Làm quen nhóm chữ cái, chữ cái trong các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - trò chơi Happykid (làm quen chữ cái, nhóm chữ cái)*  *- Hát theo, hát được một số bài hát Tiếng Anh về chữ cái quen thuộc với lứa tuổi.* |
| **4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI** | |
| ***Thể hiện ý thức về bản thân*** | |
| **MT 115:** Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (CS 27) | - Họ tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân.  - Tên trường, tên lớp đang học.  - Tên, nghề nghiệp của bố mẹ và một số thành viên trong gia đình.  - Địa chỉ gia đình.  - Số điện thoại của bố mẹ.  - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.  - Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác  - Hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác. |
| **MT 116:** Trẻ biết ứng xử phù  hợp với giới tính của bản thân. (CS 28) | - Giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình:  + Trẻ trai mạnh mẽ, dứt khoát.  + Trẻ gái nhẹ nhàng, ý tứ.  - Lựa chọn được trang phục phù hợp với giới tính.  - Quan sát, trò chuyện, trao đổi thông tin phát hiện điểm giống và khác nhau của mình với bạn về dáng vẻ bên ngoài, giới tính...  - Tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.  - Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |
| **MT 117:** Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân. (CS 29) | - Nói việc mình có thể làm được và việc mình không làm được phù hợp với sở thích và khả năng thực tế của bản thân. Bày tỏ ý kiến về nhu cầu mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ - liên quan tới quyền tham gia của trẻ.  - Nói về điều trẻ thích, không thích đúng với biểu hiện trong thực tế. |
| **MT 118:** Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân. (CS 30) | - Nêu ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi, đồ chơi và các hoạt động theo sở thích của bản thân. Lắng nghe và bày tỏ ý kiến của bản thân trong các cuộc trao đổi- thảo luận với người khác.  - Cố gắng thuyết phục bạn để những đề xuất của mình được thực hiện. |
| ***Thể hiện sự tự tin, tự lực*** | |
| **MT 119:** Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (CS 31) | - Công việc được giao mà không lưỡng lự.  - Nhanh tróng triển khai công việc, tự tin khi thực hiện.  - Cố gắng hoàn thành công việc được giao. |
| **MT 120:** Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (CS 32) | - Phấn khởi, vui vẻ, tự hào sau khi hoàn thành công việc.  - Ngắm nghía, nâng niu sản phẩm của mình.  - Kể, khoe sản phẩm của mình với người khác.  - Giữ gìn, bảo quản sản phẩm. |
| **MT 121:** Trẻ biết chủ động  làm một số công việc đơn giản hằng ngày. (CS 33) | - Tự giác thực hiện công việc đơn giản hằng ngày  không cần sự nhắc nhở. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.  - Tự chuẩn bị, cất dọn đồ dùng đồ chơi.  - Tự trực nhật và thực hiện các công việc cùng nhóm bạn.  - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động hằng ngày. |
| **MT 122:** Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (CS 34) | - Mạnh dạn, tự tin, bày tỏ ý kiến, nói lên suy nghĩ của bản thân mìnhthông qua các các hoạt động học, hoạt động chia sẻ, thuyết trình, giao lưu, thăm quan dã  ngoại.  - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt"- "xấu".  - Tôn trọng con người, sự vật và học cách sinh sống một cách hài hòa, bảo vệ thiên nhiên xung quanh. |
| **MT 123:** Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình. (CS 118) | - Có cách thực hiện công việc theo cách riêng của mình.  - Đạt được kết quả theo yêu cầu của công việc. |
| ***Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh*** | |
| **MT 124:** Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. (CS 35) | - Các trạng tháí cảm xúc (vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hay qua tranh ảnh, âm nhạc. |
| **MT 125:** Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS 36) | - Thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống khi giao tiếp với ai đó hoặc ngắm nghía một vật nào đó: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ và điệu bộ. |
| **MT 126:** Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè. (CS 37) | - Tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui).  - An ủi, chia sẻ người thân hoặc bạn bè khi họ buồn.  - Chúc mừng, ca ngợi, cổ vũ người thân, bạn bè khi họ có niềm vui. |
| **MT 127:** Trẻ biết thể hiện sự  thích thú trước cái đẹp.  (CS 38) | - Cảm nhận được cái đẹp.  - Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xuýt xoa,  ngắm nghía cái đẹp. |
| **MT 128:** Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS 39) | - Chăm sóc cây, quan tâm theo dõi sự phát triển của cây.  - Chăm sóc các con vật quen thuộc, cho ăn, chơi đùa, vuốt ve, âu yếm các con vật thân quen. |
| **MT 129:** Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS 40) | - Điều chỉnh và thể hiện hành vi, thái độ phù hợp với hoàn cảnh.  - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác  - Thảo luận, thương lượng và giải quyết xung đột/ mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng. |
| **MT 130:** Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.  (CS 41) | - Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân khi xảy ra xung đột.  - Kiềm chế cảm xúc tiêu cực, điều chỉnh hành vi tiêu cực với sự giúp đỡ của người lớn, |
| **MT 131:** Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi. (CS 42) | - Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ, thoải mái, cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.  - Quan sát và đồng cảm với hoàn cảnh của người khác. Sự quan tâm, tình yêu thương, lòng trắc ẩn, sẵn sàng giúp đỡ người khác. |
| **MT 132:** Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.  (CS 43) | - Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.  - Mạnh dạn trả lời các câu hỏi khi được hỏi.  - Mọi trẻ trai, gái đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau  - Thể hiện sự đồng cảm hòa hợp và tôn trọng người khác trong mọi tình huống giao tiếp. |
| **MT 133:** Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên. (CS 46) | - Có ít nhất 2 bạn thân hay cùng chơi với nhau. Chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người khác ( không kể giới tính, đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh, nguồn gốc xuất thân)  - Thường hay chơi theo nhóm bạn. Thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.  - Đối xử công bằng với mọi trẻ, tôn trọng sự khác  biệt. |
| **MT 134:** Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc…) | - Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ.  - Video, phim tài liệu về Bác Hồ  - Câu chuyện về Bác Hồ |
| **MT 135:** Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô, kể chuyện về Bác Hồ. | - Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ về Bác. |
| **MT 136**: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước. | - Quan tâm đến di tích lịch sử của quê hương *Đông Triều như: chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân…*  - Quan tâm đến di tích lịch sử, *danh lam thắng cảnh tỉnh quảng Ninh như: Vịnh Hạ Long, biển đảo....,* cảnh đẹp, lễ hội chùa Non Đông của phường *Mạo Khê,*củaquê hương, đất nước. |
| ***Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội*** | |
| **MT 137:** Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng. | - Một số quy định ở lớp,gia đình và nơi công cộng:  + Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ.  + Trật tự khi ăn, khi ngủ.  + Không làm mất trật tự nơi công cộng.  + Đi bên phải lề đường. |
| **MT 138:** Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác. (CS 48) | - Tập trung chú ý lắng nghe người khác nói,  - Không cắt ngang khi người khác đang nói.  - Chấp nhận ý kiến hợp lí của người khác không trùng với ý của mình. |
| **MT 139:** Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.(CS 49) | - Trình bày ý kiến của mình để thoả thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung.  - Trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. Khi trao đổi, thái độ bình tĩnh, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau, không nói cắt ngang khi người khác đang trình bày. |
| **MT 140:** Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi. (CS 44) | - Kể cho bạn bè, cô giáo, người thân về chuyện vui, buồn của mình.  - Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với bạn trong hoạt động cùng nhóm.  - Vui vẻ chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn. Chấp nhận sự đa dạng và tôn trọng sự khác biệt về biểu hiện bề ngoài, cách sống và làm việc khác nhau của người  khác liên quan đến giới, văn hóa. |
| **MT 141:** Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn. (CS 45) | - Chủ động, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự trợ giúp. Không phân biệt đối xử các bạn khác giới, các bạn có hoàn cảnh đặc biệt, đặc điểm ngoại hình khác với mình  - Sẵn sàng, nhiệt tình giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu. |
| **MT 142:** Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (CS 47) | - Tuân theo trật tự, biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm. |
| **MT 143:** Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. (CS 50) | - Chơi với bạn vui vẻ, hoà đồng.  - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn trong nhóm. (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). |
| **MT 144:** Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (CS 51) | - Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm.  - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ được phân công. |
| **MT 145:** Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (CS 52) | - Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo.  - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn. |
| **MT 146:** Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. (CS 53) | - Nói được việc làm của mình có ảnh hưởng/gây phản ứng cho người khác như thế nào?  - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi: “ Đúng”- “ sai”, “ Tốt”- “ xấu”. |
| **MT 147:** Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS 54) | - Tự chào hỏi, xưng hô và sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự với người lớn.  - Nói cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà.  - Nói xin lỗi khi nhận ra mình đã mắc lỗi. |
| **MT 148:** Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (CS 55) | - Tìm sự hỗ trợ, giúp đỡ khi cần thiết.  - Sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ của người khác. |
| **MT 149**: Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân. (CS 58) | - Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi như bạn bè và người thân. |
| **MT 150:** Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình. (CS 59) | - Chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác.  - Tôn trọng mọi người không chê bai giễu cợt bạn bè, chơi với bạn hoà đồng, không xa lánh bạn hoặc người khuyết tật. |
| **MT 151:** Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. (CS 60) *Có một số phẩm chất và năng lực đối với bản thân trẻ và tập thể: yêu thương, nhân ái, trung, thân thiện, trung thực, tôn trọng, có trách nhiệm, quan tâm, hợp tác, chia sẻ, giải quyết bất đồng...* | - Thấy được sự không công bằng trong nhóm bạn và đưa ra cách giải quyết tạo lại sự công bằng.  - Chia sẻ, nhường nhịn, có ý thức cư xử công bằng với  các bạn trong nhóm chơi.  *- Thông qua các hoạt động trong ngày.*  *- Thực hành ứng xử trong cuộc sống hàng ngày, xử lý tình huống, làm bài tập chọn hành vi đúng - sai, tham gia các hoạt động giao lưu với các bạn trong khối, trong trường (1 tuần/lần).*  *- Xem clip, trao đổi, tọa đàm, nêu ý kiến về cách ứng xủ phù hợp.* |
| ***Quan tâm đến môi trường*** | |
| **MT 152:** Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường (CS 56) | - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ‘Đúng- sai’ ‘Tốt- Xấu" của con người với môi trường |
| **MT 153:** Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày(CS57) | - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.  - Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hằng ngày:  + Giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.  + Giữ gìn vệ sinh trong nhà, ngoài đường, nơi công cộng.  + Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường ( không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...) |
| **MT 154:** Trẻ thực hiện Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. | + Sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hằng ngày. |
| **5. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ** | |
| ***Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống***  ***và các tác phẩm nghệ thuật*** | |
| **MT 155:** Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật | - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| **MT 155.1:** Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình, khinghe cácâm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng |
| **MT 155.2:** Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình ( về màu sắc, hình dáng, bố cục,...) của các tác phẩm tạo hình | - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.  - Thể hiện qua thuyết trình về các sản phẩm do trẻ thiết kế và chế tạo. |
| ***Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình*** | |
| **MT 156:** Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc (CS 99) | - Nghe và cảm nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát hoặc bản nhạc.  - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.  - Nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)  *- Làm quen với cao độ, trường độ (nốt đen, nốt móc đơn, nốt trắng, dấu lặng đen) qua trò chơi với các thanh tiết tấu.* |
| **MT 157:** Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em (CS 100) | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.  *- Làm quen với cách hát Rap.* |
| **MT 158:** Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản  nhạc (CS 101) | - Thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà trẻ yêu thích nhất  - Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động  nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (*nhảy flashmob, nhảy điệu chachacha....)* |
| **MT 159:** Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. | - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.  - Sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh. |
| **MT 160:** Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (CS 102). | - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. |
| **MT 161**: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. *Thể hiện được sự sáng tạo, kỹ năng biểu diễn, phối hợp các kỹ năng hội họa, âm nhạc và một số loại hình nghệ thuật khác trong các sự kiện, lễ hội, các hội thi chuyên đề.* | - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.  - Bộ lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật  - Ý thức giữ gìn, bảo vệ tôn trọng sản phẩm nghệ thuật. |
| ***Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật***  *(âm nhạc, tạo hình*) | |
| **MT 162:** Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình (CS103) *sử dụng bảng tương tác tô các nét gợi ý tạo thành con vật, vẽ theo ý thích hoặc theo yêu cầu của giáo viên.* | - Tự do sáng tạo của trẻ khi tham gia vào hoạt động, nói được ý tưởng khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục, thể hiện sở thích và sáng kiến của riêng trẻ.  - Đặt tên cho sản phẩm của mình. Sự đa dạng liên quan đến biểu hiện, sản phẩm văn hóa ( Cá nhân, gia đình...)  *- Phát âm, tô các nét gợi ý của chữ cái để tạo thành hình các con vật.*  *- Dùng tay để vẽ theo ý thích hoặc theo yêu cầu của giáo viên.* |
| **MT 163:** Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát**.** (CS117) | - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn) |
| **MT 164:** Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau (CS119). *Sử dụng máy tính với phần mềm kidsmart chơi với các trò chơi âm nhạc.* | - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận  động theo các bài hát bản nhạc yêu thích.  - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.  - Thiết kế, chế tạo một số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày theo chủ đề. (STEAM)  - Đặt tên cho sản phẩm của mình.  *- Nhận biết và cảm nhận một số loại hình nghệ thuật*  *dân gian Việt Nam như: múa dân tộc H’Mong, múa chăm, làn điệu dân ca 3 miền; một số loại hình nghệ thuật của các nước trong khu vực và trên thế giới như: (Hàn Quốc, Nhật bản, Tây Ban Nha)* |
| **MT 165:** Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. | - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.  *- Bước đầu biết cách sử dụng bộ gõ cơ thể và bộ gõ của một số nhạc cụ (trống đế, trống cơm, trống Bongo, trống Châu Phi).* |

**III.** **KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC TOÀN DIỆN, TÍCH HỢP, LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM**

Căn cứ hướng dẫn Chương trình GDMN của Bộ giáo dục và đào tạo; chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025”, Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN năm 2023. Giáo viên lớp mẫu giáo 5 tuổi B3 linh hoạt, mạnh dạn, lựa chọn và sáng tạo trong xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học. Trang trí lớp, chuẩn bị nguồn học liệu phong phú, dễ tìm trong thiên nhiên, thân thiện với môi trường và tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng các phương pháp giáo dục từ các nước tiên tiến phù hợp với tình hình trẻ tại nhóm/lớp như: Steam, dạy trẻ làm quen với biểu tượng toán theo quan điểm trải nghiệm David kolb để giúp cho trẻ có nhiều cơ hội trải nghiệm, sáng tạo, và khơi mở những tiềm năng ở giai đoạn vàng.

Sử dụng nguồn học liệu từ chương trình “Tôi yêu Việt Nam” để rèn luyện và hình thành kĩ năng An toàn giao thông cho trẻ tại trường. Và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chuyên đề “Bảo vệ môi trường” và “Ứng phó với biến đổi khí hậu” vào trong các hoạt động giáo dục.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo khối lớp, có sự tham gia của cha mẹ học sinh nhằm nâng cao công tác phối hợp với xã hội, gia đình vào trong chương trình giáo dục mầm non, đúng với quan điểm “Giờ học hạnh phúc – giờ chơi sáng tạo” nhằm thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”

Tích hợp nội dung giáo dục “Quyền trẻ em” vào trong các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ. Xây dựng kế hoạch và lựa chọn các hoạt động ngày lễ hội, các hoạt động trải nghiệm để đảm bảo cơ hội tham gia của tất cả trẻ, bao gồm cả những trẻ không có năng khiếu, không nổi trội, để đảm bảo mọi trẻ đều được tham gia các buổi biểu diễn, các hoạt động vui chơi, lễ hội của trường/ lớp. Nâng cao việc cho trẻ tiếp cận Công nghệ thông tin thông qua các trò chơi trong các phần mềm Kidsmart, HappyKid, bảng tương tác thông minh.

Ngoài ra còn thực hiện lồng ghép các nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thông qua việc phát huy giá trị lịch sử. Việc dạy lồng ghép các nội dung được thực hiện trong các hoạt động tham quan dã ngoại, trong các hoạt động vui hội ở các khối lớp, cuộc thi vẽ tranh, trong ngày hội của lớp, của trường một cách phù hợp.

Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. Khi có dịch bệnh xảy ra chủ động điều chỉnh kế hoạch xây dựng video hướng dẫn phụ huynh chăm sóc- giáo dục trẻ tại nhà.

Xây dựng kế hoạch dự kiến về trang bị, mua sắm, bổ sung, thay thế,…đồ dùng, đồ chơi, học liệu,…theo các chủ đề trong năm học.

**IV. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học** | **Các sự kiện** | **Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề** |
| ***Trường Mầm non Hoa Phượng hạnh phúc (4 tuần)*** | | | **Từ 05/9/2024 đến 04/10/2024** |
| 1 | Ngày hội đến trường của bé |  | Từ 05/09/2024 đến 13/09/2024 |
| 2 | Trung thu của Bé và các bạn lớp 5B3 | *Tết trung thu* | Từ 16/09/2024 đến 29/09/2024 |
| 3 | Trường MN Hoa Phượng thân yêu của bé |  | Từ 23/09/2024 đến 27/09/2024 |
| 4 | Lớp 5 tuổi B3 của bé |  | Từ 30/09/2024 đến 04/10/2024 |
| ***Bé yêu bản thân mình (3 tuần)*** | | | **Từ 07/10/2024 đến 25/10/2024** |
| 5 | Tôi là ai ? |  | Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024 |
| 6 | Cơ thể và 5 giác quan của bé | *Ngày PNVN 20/10* | Từ 14/10/2024 đến 18/10/2024 |
| 7 | Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh |  | Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024 |
| ***Gia đình thân yêu của bé (3 tuần)*** | | | **Từ 28/10/2024 đến 15/11/2024** |
| 8 | Bố mẹ và những người thân yêu của bé. |  | Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024 |
| 9 | Ngôi nhà của bé. |  | Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024 |
| 10 | Đồ dùng trong gia đình bé |  | Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024 |
| ***Lớn lên bé thích làm nghề gì? (4 tuần)*** | | | **Từ 18/11/2024 đến 13/12/2024** |
| 11 | Ngày hội của các thầy cô | *Ngày nhà giáo VN 20/11* | Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024 |
| 12 | Một số nghề phổ biến |  | Từ 25/11/2024 đến 29/12/2024 |
| 13 | Nghề sản xuất |  | Từ 02/12/2024 đến 06/12/2024 |
| 14 | Nghề dịch vụ |  | Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024 |
| ***Khám phá những con vật ngộ nghĩnh***  ***(4 tuần)*** | | | **Từ 16/12/2024 đến 10/01/2025** |
| 15 | Những con thú ngộ nghĩnh, đáng yêu | *Ngày QĐND Việt Nam 22/12* | Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024 |
| 16 | Khám phá thủy cung (Cá) |  | Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024 |
| 17 | Một số loài chim |  | Từ 30/12/2024 đến 03/01/2025 |
| 18 | Các loài côn trùng |  | Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025 |
| ***Tết và mùa xuân (2 tuần)*** | | | Từ 13/01/2025 dến 24/01/2025 |
| 19 | Bé và các lễ hội mùa xuân | *Lễ hội mùa xuâ*n | Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025 |
| 29 | Tết Nguyên đán |  | Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025 |
| **NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN TỪ 27/01/2025 ĐẾN HẾT NGÀY 08/02/2025** | | | |
| ***Những loài cây quanh bé (3 tuần)*** | | | **Từ 10/02/2025 đến 28/02/2025** |
| 21 | Cây xanh và môi trường sống |  | Từ 10/02/2025 đến 14/02/2025 |
| 22 | Một số loại quả |  | Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025 |
| 23 | Một số loại rau |  | Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025 |
| ***Các luật lệ và PTGT bé biết (4 tuần)*** | | | **Từ 03/03/2025 đến 28/03/2025** |
| 24 | Ngày Quốc tế phụ nữ | *Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.* | Từ 03/03/2025 đến 07/03/2025 |
| 25 | Luật lệ và PTGT đường bộ |  | Từ 10/03/2025 đến 14/03/2025 |
| 26 | Luật lệ và PTGT đường thủy |  | Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025 |
| 27 | Luật lệ và PTGT đường sắt, đường hàng không | *Ngày TL Đoàn TNCSHCM 26/3* | Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025 |
| ***Thiên nhiên diệu kỳ (3 tuần)*** | | | **Từ 31/03/2025 đến 18/04/2025** |
| 28 | Nước và sự cần thiết của nước với đời sống con người |  | Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025 |
| 29 | Các hiện tượng tự nhiên | *Ngày giỗ tổ Hùng Vương 10/3 (ngày 07/04 dương lịch)* | Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025 |
| 30 | Các mùa trong năm |  | Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025 |
| ***Quê hương - Đất nước - Bác Hồ (3 tuần)*** | | | **Từ 21/04/2025 đến 09/05/2025** |
| 31 | Đất nước Việt Nam diệu kì |  | Từ 21/04/2025 đến 25/04/2025 |
| 32 | Đông Triều quê hương em | *Ngày GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5* | Từ 28/04/2025 đến 02/05/2025 |
| 33 | Bác Hồ kính yêu |  | Từ 05/05/2025 đến 09/05/2025 |
| ***Trường tiểu học của bé trong tương lai (2 tuần)*** | | | **Từ 12/05/2025 đến 23/05/2025** |
| 34 | Trường tiểu học của bé |  | Từ 12/05/2025 đến 16/05/2025 |
| 35 | Đồ dùng lớp 1 của bé | *Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/05* | Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025 |
| **35 tuần** | **11 CHỦ ĐỀ** |  |  |

**V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH (Có phụ lục kèm theo)**

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 của lớp mẫu giáo 5 tuổi B3 đã được tổ chuyên môn và nhà trường xác nhận, giáo viên nhóm lớp nghiêm túc thực hiện.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG**  **P. HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Mai Phương** | **XÁC NHẬN CỦA TỔ CM**  **TỔ TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Trang** | **GIÁO VIÊN**  **THỰC HIỆN KH**  **Nguyễn Thị Trang**  **Nguyễn Thị Thu Hoàn** |